

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Thanh Duyên

Bà Lê Thị Ái Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc: “ly hôn, tranh chấp về con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Sô Phia L, sinh năm 1995. “vắng mặt”.

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Thạch Q, sinh năm 1998 “vắng mặt”.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Ông Thạch L1, sinh năm 1964. “vắng mặt”.

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị S Phia Ly trình bày: Chị và Thạch Q thành hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 03/02/2020. Thời gian chung sống khoảng 06 năm và cũng có mâu thuẫn về quan niệm sống. Vợ chồng không còn sống chung từ ngày

15/4/2022 đến nay. Anh Q tự ý bỏ đi, không nói với chi hay gia đình biết là đi đâu, làm gì. Sau đó anh Q có điện thoại về nói là đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Trong hai tháng đầu thì anh Q có điện thoại về cho chi về sau thì không còn liên lạc hay gửi tiền về nuôi con. Chi xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chi và anh Q có 01 con chung tên Thạch Hoàng P, sinh ngày 17/02/2016 hiện đang sống với chi. Khi ly hôn chi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chi Phia L thì Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn anh Q không đến tham gia phiên họp, hòa giải và Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Thạch Q.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do, người làm chứng đề nghị vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chi Thạch Thị S Phia Ly được ly hôn với anh Thạch Q.

Về con chung: Giao con chung Thạch Hoàng P, sinh ngày 17/02/2016 cho chi Phia L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thạch Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Phia L** nộp 300.000đồng án phí ly hôn, nhưng chị **Phia L** là người dân tộc thiểu số sống trong vùng có điều kiện kinh tế khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho chị **Phia L**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Thạch Thị S1** **Phia Ly** khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về con chung với anh **Thạch Q** có địa chỉ: **ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị **Thạch Thị Sô Phia L** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh **Thạch Q** vắng mặt không lý do mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng ông **Thạch L1** có ý kiến xin vắng mặt nên căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Thạch Thị Sô Phia L** và anh **Thạch Q** thành hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 03/02/2020 là hợp pháp và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị **Thạch Thị Sô Phia L** cho rằng, quá trình chung sống được 06 năm và cũng có mâu thuẫn về quan niệm sống. Vợ chồng không còn sống chung từ ngày 15/4/2022 đến nay. Anh **Q** tự ý bỏ đi, không nói với chị hay gia đình biết là đi đâu, làm gì. Sau đó anh **Q** có điện thoại về nói là đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trong hai tháng đầu thì anh **Q** có điện thoại về cho chị nhưng về sau thì không còn liên lạc hay gửi tiền về nuôi con. Lời trình bày của chị **Phia L** cũng phù hợp với trình bày của người thân chị **Phia L** và anh **Q**. Từ đó xác định mâu thuẫn giữa chị **Phia L** và anh **Q** đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Phia L** là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **Thạch Thị Sô Phia L** và anh **Thạch Q** có 01 chung là **Thạch Hoàng P**, sinh ngày 17/02/2016 hiện đang sống với chị **Phia L**, cuộc sống

cũng đảm bảo. Chị **Phia Ly x** nuôi con, anh **Q** không có ý kiến gì và cháu **P** cũng có nguyện vọng sống với chị **Phia L** khi cha mẹ ly hôn nên giao con chung cho chị **Phia L** nuôi, anh **Q** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Thạch Thị S** **Phia Ly** là người trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng, anh **Q** không có ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Thạch Thị S** **Phia Ly** không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Phia L** nộp 300.000đ án phí ly hôn nhưng chị **Phia L** là người dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và chị **Phia L** có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 12 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Thạch Thị S** **Phia Ly**.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị **Thạch Thị S** **Phia Ly** được ly hôn với anh **Thạch Q**.

2. Về con chung:

Giao con chung **Thạch Hoàng P**, sinh ngày 17/02/2016 cho chị **Thạch Thị S** **Phia Ly** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Thạch Q** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho chị **Thạch Thị S** **Phia Ly**.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bá Phúc